

Số: 07/TB-THCSPVC

Củ Chi, ngày 10 tháng 01 năm 2020

THÔNG BÁO
Về niêm yết công khai số liệu kiểm kê tài sản
Năm 2019

Hôm nay, hồi 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 01 năm 2020,

Tại Văn phòng Trường THCS Phạm Văn Cội.

Chúng tôi gồm:

- | | |
|----------------------------|---------------------|
| 1. Ông Trần Đỗ Phương Bình | Hiệu trưởng. |
| 2. Bà Nguyễn Ngọc Chinh, | Nhân viên Kế toán. |
| 3. Bà Trần Thị Phương Thảo | Chủ tịch Công đoàn. |

Tiến hành niêm yết công khai số liệu kiểm kê tài sản năm 2019.

Việc niêm yết được thực hiện từ ngày 10/01/2020 đến hết ngày 09/04/2020 công khai rộng rãi cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên toàn trường biết.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN:

- Bà Nguyễn Ngọc Chinh
- Bà Trần Thị Phương Thảo

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đỗ Phương Bình

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TSCĐ

Năm: 2019

Mã tài sản	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	Đơn vị tính số lượng	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Đất		1	7.191.313.920					1	7.191.313.920
102	Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp		1	7.191.313.920					1	7.191.313.920
10201	Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo		1	7.191.313.920					1	7.191.313.920
T03783096- 10201-112	Đất cơ sở hoạt động sự nghiệp Trường THCS Phạm Văn Cội Số 317 Đường Bùi Thị Diệt		1	7.191.313.920					1	7.191.313.920
2	Nhà, công trình xây dựng		1	38.983.000.000					1	38.983.000.000
205	Nhà cấp IV		1	38.983.000.000					1	38.983.000.000
T03783096- 204-113	Nhà cơ sở hoạt động sự nghiệp trường THCS Phạm Văn Cội Số 317 đường Bùi Thị Diệt		1	38.983.000.000					1	38.983.000.000
6	Máy móc, thiết bị		119	1.305.598.000					119	1.305.598.000
601	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến		98	890.758.000					98	890.758.000
60101	Máy vi tính để bàn		86	755.665.000					86	755.665.000
T03783096- 40101-114	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096- 40101-115	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096- 40101-116	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096- 40101-117	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096- 40101-118	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096- 40101-119	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000

Mã tài sản	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	Đơn vị tính số lượng	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
T03783096-40101-120	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-121	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-122	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-123	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-124	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-125	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-126	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-127	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-128	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-129	Máy vi tính P4-InTekl		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-131	Máy vi tính Pentium		1	10.000.000					1	10.000.000
T03783096-40101-132	Bộ máy vi tính Windo W 98		1	9.000.000					1	9.000.000
T03783096-40101-134	Máy viiilnh P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-135	Máy viiilnh P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-136	Máy viiilnh P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-137	Máy viiilnh P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-138	Máy viiilnh P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-139	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000

Mã tài sản	- Loại tài sản cơ định - Nhóm tài sản cố định	Đơn vị tính số lượng	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
T03783096-40101-140	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-26	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-27	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-28	Máy vi tính P4-InTel		1	5.576.000					1	5.576.000
T03783096-40101-29	Bộ máy vi tính InTel		1	11.109.000					1	11.109.000
T03783096-40101-31	Bộ máy vi tính InTel Core 2		1	16.700.000					1	16.700.000
T03783096-40101-32	Bộ máy vi tính InTelCore2 Duo E7400		1	17.000.000					1	17.000.000
T03783096-40101-33	Bộ máy vi tính InTel Core 2 Duo E7400		1	17.000.000					1	17.000.000
T03783096-40101-34	Bộ máy vi tính InTel Core 2 Duo E7400		1	19.500.000					1	19.500.000
T03783096-40101-35	Bộ máy vi tính InTel Core 2 Duo E7400		1	17.000.000					1	17.000.000
T03783096-40101-36	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-37	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-38	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-39	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-40	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-41	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-42	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-43	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-44	Máy vi tính InTel Core Duo		1	9.200.000					1	9.200.000

Mã tài sản	- Loại tài sản cổ định - Nhóm tài sản cổ định	Đơn vị tính số lượng	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
T03783096-40101-45	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-46	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-47	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-48	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-49	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-50	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-51	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-52	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-53	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-54	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-55	Máy vi tính InTel Core Duo 7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-56	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-57	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-58	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-59	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-60	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-61	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-62	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-63	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000

Mã tài sản	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	Đơn vị tính số lượng	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
T03783096-40101-64	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-65	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-66	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-67	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-68	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-69	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-70	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-71	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-72	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-73	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-74	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-75	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-76	Máy vi tính IntelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-77	Máy vi tính IntelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-78	Máy vi tính IntelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-79	Máy vi tính IntelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-8	Bộ máy vi tính InTelDual		1	13.780.000					1	13.780.000
T03783096-40101-80	Máy vi tính IntelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-81	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-82	Máy vi tính InTelCore Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000

Mã tài sản	- Loại tài sản cơ định - Nhóm tài sản cố định	Đơn vị tính số lượng	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
T03783096-40101-83	Máy vi tính InTelCore Duo 7400		1	9.000.000					1	9.000.000
T03783096-40101-9	LapTop Compad CQ40-R9		1	17.000.000					1	17.000.000
T03783096-40101-94	Máy vi tính InTel Core2Duo7400		1	9.200.000					1	9.200.000
T03783096-40101-95	Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400		1	12.000.000					1	12.000.000
60102	Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)		1	12.793.000					1	12.793.000
T03783096-502-143	Laptop HD		1	12.793.000					1	12.793.000
60103	Máy in		2	22.300.000					2	22.300.000
T03783096-40105-141	Máy in Epson 2180		1	8.000.000					1	8.000.000
T03783096-40105-90	Máy in LQ 2190		1	14.300.000					1	14.300.000
60107	Máy điều hòa không khí		6	55.000.000					6	55.000.000
T03783096-40129-5	Máy lạnh		1	7.500.000					1	7.500.000
T03783096-40129-6	Máy lạnh		1	7.500.000					1	7.500.000
T03783096-40129-84	Máy lạnhNagaka Wa		1	10.000.000					1	10.000.000
T03783096-40129-85	Máy lạnh Nagaka Wa		1	10.000.000					1	10.000.000
T03783096-40129-86	Máy lạnh Nagaka Wa		1	10.000.000					1	10.000.000
T03783096-40129-87	Máy lạnh Nagaka Wa		1	10.000.000					1	10.000.000
60109	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	9.000.000					1	9.000.000
T03783096-503-96	Bộ Bàn ghế Salon		1	9.000.000					1	9.000.000
60110	Bàn ghế hợp		1	24.000.000					1	24.000.000
T03783096-507-97	Bộ bàn ghế hợp Oval 30 chỗ		1	24.000.000					1	24.000.000
60115	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác		1	12.000.000					1	12.000.000 Trang 6/

Mã tài sản	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	Đơn vị tính số lượng	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
T03783096-508-99	Trụ bóng rổ		1	12.000.000					1	12.000.000
602	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị		21	414.840.000					21	414.840.000
60202	Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị		21	414.840.000					21	414.840.000
6020201	Máy chiếu		4	99.000.000					4	99.000.000
T03783096-40106-4	Máy chiếu		1	32.000.000					1	32.000.000
T03783096-40106-7	Máy chiếu OverHead		1	12.000.000					1	12.000.000
T03783096-40106-89	Máy chiếu LCD		1	22.000.000					1	22.000.000
T03783096-504-142	Máy chiếu Panasonic		1	33.000.000					1	33.000.000
6020204	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác		1	6.250.000					1	6.250.000
T03783096-40113-133	Ti vi Sonny 21"		1	6.250.000					1	6.250.000
6020207	Thiết bị âm thanh		14	144.590.000					14	144.590.000
T03783096-40117-100	Hệ thống âm thanh hội trường		1	8.690.000					1	8.690.000
T03783096-40117-101	Dàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-102	Dàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-103	Dàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-104	Dàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-105	Dàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-106	Dàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-107	Dàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000

Mã tài sản	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	Đơn vị tính số lượng	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
T03783096-40117-108	Đàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-109	Đàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-110	Đàn Organ		1	5.500.000					1	5.500.000
T03783096-40117-111	Đàn Organ		1	10.000.000					1	10.000.000
T03783096-40117-30	Đàn Organ		1	60.500.000					1	60.500.000
T03783096-40117-93	Bộ chia hình		1	10.400.000					1	10.400.000
6020210	Tủ lạnh, máy làm mát		1	5.000.000					1	5.000.000
T03783096-40120-130	Tủ lạnh		1	5.000.000					1	5.000.000
6020213	Thiết bị điện văn phòng		1	160.000.000					1	160.000.000
T03783096-40104-91	Hệ thống phòng Lab		1	160.000.000					1	160.000.000
	Tổng cộng		121	47.479.911.920					121	47.479.911.920

, Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Ngọc Chính

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Ngọc Chính

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trần Đỗ Phương Bình



Bộ, tỉnh: UBND HUYỆN CỬ CHI
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Cử Chi
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THCS PHẠM VĂN CỘI
Mã đơn vị: T03783096
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2019

Công khai về đất											Công khai về nhà										
Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)			Hoạt động sự nghiệp	Sử dụng khác	Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng(m ²)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	Ghi chú	
				Trụ sở làm việc	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích									Sử dụng hỗn hợp							
					Không kinh doanh	Kinh doanh									Cho thuê	Liên doanh liên kết					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1																					
1.1	Nhà cơ sở									2012	4.833,00	38.983.000,00	15.780.318,40		4.833,00						
2	Đất cơ sở hoạt	26.754,30	7.191.313,92		26.754,30																

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, họ tên)

[Signature]
Nguyễn Ngọc Chính

Cử Chi, ngày 31 tháng 12 năm 2019
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Đỗ Phương Bình

Bộ, tỉnh: UBND HUYỆN CỬ CHI
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Cử Chi
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THCS PHẠM VĂN CỘI
Mã đơn vị: T03783096
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM
2019

Stt	Danh mục xe	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó									
				Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Ô tô													
II	Tài sản cố		119	1.305.598,00	1.154.372,00	151.226,00	9.158,60							
	Tài sản trên													
	Tài sản dưới		119	1.305.598,00	1.154.372,00	151.226,00	9.158,60							
	Máy vi tính	PHÒNG ÂM	1	5.576,00		5.576,00								
1	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
2	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	11.109,00	11.109,00									
3	Bộ máy vi	PHÒNG GIÁO	1	9.200,00	9.200,00									
4	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
5	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
6	Máy vi tính	PHÒNG LAB 1	1	9.000,00	9.000,00									
7	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
8	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
9	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
10	Máy vi tính	PHÒNG LAB 1	1	9.200,00	9.200,00									
11	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
12	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	5.576,00		5.576,00								
13	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	5.576,00		5.576,00								
14	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
15	Máy vi tính	PHÒNG THƯ	1	5.576,00		5.576,00								
16	Máy vi tính	PHÒNG ÂM	1	5.576,00		5.576,00								
17	Bộ máy vi	PHÒNG HIỆU	1	17.000,00	17.000,00									
18	Máy vi tính	PHÒNG ÂM	1	5.576,00		5.576,00								
19	Máy vi tính	PHÒNG ÂM	1	5.576,00		5.576,00								
20	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
21	Bộ máy vi	PHÒNG MÁY	1	9.000,00	9.000,00									
22	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									

Trang 1/8

I trang 1/8

2
195
196

195
196

Stt	Danh mục xe	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn)				Giá trị còn lại	Mục đích sử dụng								
				Tổng cộng	Nguyên giá		Trong đó		Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết			
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác											
23	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
24	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
25	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
26	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
27	Bộ máy vi	PHÒNG	1	19.500,00		19.500,00											
28	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
29	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
30	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
31	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
32	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
33	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
34	Máy vi tính	PHÒNG THIẾT	1	12.000,00		12.000,00											
35	Máy vi tính	PHÒNG HÀNH	1	9.200,00		9.200,00											
36	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
37	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
38	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
39	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
40	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
41	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
42	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
43	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	5.576,00		5.576,00											
44	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
45	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
46	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
47	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
48	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	5.576,00		5.576,00											
49	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
50	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
51	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
52	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
53	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
54	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
55	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00		5.576,00											
56	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	5.576,00		5.576,00											
57	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
58	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00		9.200,00											
Trang 34																	

Sử dụng khác

STT				Danh mục xe	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn)				Mục đích sử dụng						
							Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
								Trong đó	Nguồn ngân sách								
95	Máy lạnh	PHÒNG TIN	1	7.500,00	7.500,00												
96	Bộ Bàn ghế	PHÒNG HIỆU	1	9.000,00	9.000,00												
97	Bộ bàn ghế		1	24.000,00	24.000,00												
98	Tủ bong rở		1	12.000,00	12.000,00												
99	Máy chiếu	PHÒNG MÁY	1	32.000,00	32.000,00												
100	Máy chiếu	PHÒNG MÁY	1	22.000,00	22.000,00												
101	Máy chiếu	PHÒNG THIẾT	1	12.000,00	12.000,00												
102	Máy chiếu	PHÒNG MÁY	1	33.000,00	33.000,00		6.600,00										
103	Ti vi Sonmy	PHÒNG	1	6.250,00		6.250,00											
104	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	10.000,00	10.000,00												
105	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
106	Bộ chia hình		1	10.400,00	10.400,00												
107	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
108	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
109	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
110	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
111	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
112	Hệ thống âm	PHÒNG HỘI	1	8.690,00	8.690,00												
113	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
114	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
115	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
116	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	5.500,00	5.500,00												
117	Dàn Organ	PHÒNG ÂM	1	60.500,00	60.500,00												
118	Tủ lạnh	PHÒNG HIỆU	1	5.000,00	5.000,00												
119	Hệ thống	PHÒNG LAB I	1	160.000,00	160.000,00												

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Ngọc Chính

Củ Chi ngày 21 tháng 12 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Mục đích sử dụng

Stt	Danh mục xe	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn)				Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên lạc
				Tổng cộng	Nguyên giá									
					Nguồn ngân sách	Trong đó	Nguồn khác							
59	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
60	Bộ máy vi	PHÒNG MÁY	1	13.780,00	13.780,00									
61	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
62	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
63	Bộ máy vi	PHÒNG PHỎ	1	17.000,00	17.000,00									
64	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00	5.576,00									
65	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
66	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
67	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
68	Máy vit i nh	PHÒNG TIN	1	5.576,00	5.576,00									
69	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
70	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
71	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
72	Máy vi tính	PHÒNG	1	5.576,00	5.576,00									
73	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
74	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
75	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00	5.576,00									
76	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
77	Bộ máy vi	PHÒNG HÀNH	1	16.700,00	16.700,00									
78	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
79	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
80	Máy vi tính	PHÒNG TIN	1	9.200,00	9.200,00									
81	LapTop	PHÒNG MÁY	1	17.000,00	17.000,00									
82	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00	5.576,00									
83	Bộ máy vi	PHÒNG CÔNG	1	17.000,00	17.000,00									
84	Máy vi tính	PHÒNG HÀNH	1	9.200,00	9.200,00									
85	Máy vi tính	PHÒNG THIẾT	1	10.000,00	10.000,00									
86	Máy vi tính	PHÒNG AM	1	5.576,00	5.576,00									
87	Laptop HD	PHÒNG MÁY	1	12.793,00	12.793,00									
88	Máy in Epson	PHÒNG THƯ	1	8.000,00	8.000,00									
89	Máy in LQ	PHÒNG VI TÍNH	1	14.300,00	14.300,00									
90	Máy lạnh	PHÒNG LAB I	1	10.000,00	10.000,00									
91	Máy	PHÒNG TIN	1	10.000,00	10.000,00									
92	Máy lạnh	PHÒNG TIN	1	10.000,00	10.000,00									
93	Máy lạnh	PHÒNG TIN	1	7.500,00	7.500,00									
94	Máy lạnh	PHÒNG LAB I	1	10.000,00	10.000,00									

Tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tải trọng hoặc thông số kỹ thuật	Số tầng	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Nguyên giá			Giá trị
							Tổng cộng	Trong đó		
								Ngân sách	Nguồn khác	
Máy vi tính IntelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính IntelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTel Core2Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			9.200.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			17.000.000	17.000.000		
Bộ máy vi tính InTelCore2 Duo E7400	2012			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.000.000	9.000.000		
Bộ máy vi tính Window 98	2009			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính IntelCore Duo7400	2012			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			19.500.000	19.500.000		
Bộ máy vi tính InTel Core 2 Duo E7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính InTelCore Duo7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy viiInh P4-InTel	2006			1			5.576.000		5.576.000	
Máy viiInh P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính SIVER CORE2 DUO7400	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000	9.200.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000	
Máy vi tính InTel Core Duo 7400	2012									

Tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tài trọng hoặc thông số kỹ thuật	Số tầng	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Nguyên giá		
							Tổng cộng		Nguồn khác
							Ngân sách	Trong đó	
LapTop Compad CQ40-R9	2009			1			17.000.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000
Bộ máy vi tính InTel Core 2 Duo E7400	2012			1			17.000.000		
Máy vi tính InTelCore Duo 7400	2012			1			9.200.000		
Máy vi tính Pentium	2003			1			10.000.000		
Máy vi tính P4-InTel	2009			1			5.576.000		5.576.000
Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)				1			12.793.000		
Laptop HD	2017			1		40	12.793.000	12.793.000	
Máy in				2			22.300.000	22.300.000	
Máy in LQ 2190	2012			1			14.300.000	14.300.000	
Máy in EpSon 2180	2000			1			8.000.000	8.000.000	
Máy điều hòa không khí				6			55.000.000	55.000.000	
Máy lạnhNagaka Wa	2012			1			10.000.000	10.000.000	
Máy lạnh	2009			1			7.500.000	7.500.000	
Máy lạnh Nagaka Wa	2012			1			10.000.000	10.000.000	
Máy lạnh	2009			1			7.500.000	7.500.000	
Máy lạnh Nagaka Wa	2012			1			10.000.000	10.000.000	
Máy lạnh Nagaka Wa	2012			1			10.000.000	10.000.000	
Bộ bàn ghế tiếp khách				1			9.000.000	9.000.000	
Bộ Bàn ghế Salon	2012			1			9.000.000	9.000.000	
Bàn ghế hợp				1			24.000.000	24.000.000	
Bộ bàn ghế hợp Oval 30 chỗ	2012			1			24.000.000	24.000.000	
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác				1			12.000.000	12.000.000	
Trụ bóng rổ	2012			1			12.000.000	12.000.000	
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị				21			414.840.000	408.590.000	6.250.000
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị				21			414.840.000	408.590.000	6.250.000
Máy chiếu				4			99.000.000	99.000.000	
Máy chiếu LCD	2012			1			22.000.000	22.000.000	
Máy chiếu	2009			1			32.000.000	32.000.000	
Máy chiếu OverHead	2009			1			12.000.000	12.000.000	
Máy chiếu Panasonic	2017			1		40	33.000.000	33.000.000	

